CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-13 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***495 086***	***187 548***	***307 538***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**140 727**	**41 914**	**98 813**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***42 332***	***41 914***	***418***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	03/11	720/11		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000	22 924	76	12/11	HỘ LỚN	NGUỒN TTCO
2		ĐẠM HÀ BẮC	09/11	738/11	19/11	2TĐ 115	CÁM 4A.1	2 390	2 357	33	11/11	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	09/11	739/11	19/11	BN 2996	CÁM 5A.10	5 100	5 031	69	11/11	HỘ LỚN	
4		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	09/11	739/11	19/11	BN 2996	CÁM 5A.10	5 100	5 031	69	11/11	HỘ LỚN	
5		SX&TM THAN UÔNG BÍ	10/11	2979/11	17/11	BN 0766	CÁM 1	1 200	1 192	8	11/11	TD	
6		KDT MIỀN BẮC	09/11	2968/11	16/11	HD 5935	CÁM 1	2 892	2 857	35	11/11	TD	
7		VT & KDT	09/11	2955/11	16/11	QN 8647	CỤC XÔ 1C	1 000	936	64	11/11	TD	
8		CATALAN	09/11	2961/11	16/11	BN 1991	CỤC 5A.1	1 650	1 586	64	11/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***9 500***		***9 500***			
1		ĐẠM HÀ BẮC	10/11	740/11	20/11	QN 4330	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
2		NHÔM ĐẮK NÔNG	06/11	2927/11	16/11	HẢI ĐĂNG 68	CÁM 5A.1	3 000		3 000		HỘ LỚN	
3		NHÔM LÂM ĐỒNG	06/11	2928/11	16/11	HẢI ĐĂNG 68	CÁM 5A.1	2 800		2 800		HỘ LỚN	
4		ĐTTMDV	07/11	2940/11	14/11	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
5		VẬN TẢI THỦY	11/11	2981/11	18/11	HP 6739	CỤC 5A.1	800		800		TD	
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***88 895***		***88 895***			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/11	726/11		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 5A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	Thay TBRT 719/11
2		ĐẠM NINH BÌNH	10/11	742/11	20/11	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/11	744/11		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTCO: 25.500 TTHG: 21.000
4		ĐIỆN NGHI SƠN	11/11	745/11	21/11	VTT 19	CÁM 5A.10	3 150		3 150		HỘ LỚN	
5		CROMIT CĐ THANH HÓA	12/11	2986/11	22/11	MINH HẰNG 222	CÁM 5A.1	4 600		4 600		HỘ LỚN	
6		VẬN TẢI THỦY	09/11	2858/11	16/11	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	GIA HẠN L1
7		VẬN TẢI THỦY	09/11	2956/11	16/11	BN 0959	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	
8		SX&TM THAN UÔNG BÍ	09/11	2966/11	16/11	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-13 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		XDCNM ĐÔNG BẮC	09/11	2970/11	16/11	NB 8707	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100		TD	
10		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	10/11	2975/11	17/11	BN 1336	CỤC XỐ 1C	1 020		1 020		TD	
	Tàu chuyển tải							**188 600**	**95 486**	**93 114**			
	Tàu đã làm hàng							***52 250***	***51 976***	***274***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	718/11		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650	28 504	146	11/11	HỘ LỚN	TTHG: 22.880,82 KVCP: 5.623,48
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/11	716/11		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 600	23 471	129	11/11	HỘ LỚN	KDTCP: 5.559,77 CLM: 7.967,6 KVCP: 9.943,93
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***87 450***	***43 510***	***43 940***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	06/11	714B/11		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	26 190	15 060	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP: 4.000 CLM: 31.000 KVCP: 6.250
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	06/11	733/11		HẢI NAM 88	CÁM 5A.14	23 000	10 120	12 880	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP: 6.000 CLM: 17.000
3		KDT MIỀN BẮC	10/11	741/11		STAR CITY	CÁM 5B.1	18 200	7 200	11 000	DỠ	PTCB	NGUỒN TTHG
							CÁM 5A.1	5 000		5 000		PTCB	
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***48 900***		***48 900***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/11	728/11		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 KVCP: 4.600
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	11/11	743/11		TRƯỜNG NGUYÊN STAR	CÁM 5A.14	23 300		23 300		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 CLM: 13.300
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**64 900**	**21 428**	**43 472**			
	Tàu đã làm hàng							***15 399***	***15 298***	***101***			
1		KDT HÀ BẮC	06/11	2930/11	16/11	BN 2555	CÁM 7B	2 950	2 938	12	11/11	PTCB	NGUỒN CS
2		KDT BẮC TRUNG BỘ	06/11	2929/11	16/11	NB 8218	CÁM 7B	3 100	3 092	8	11/11	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
3		ĐTTMDV	06/11	2923/11	13/11	BN 1826	CỤC XỐ 1B	1 130	1 122	8	11/11	TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2922/11
4		XDCN MỎ	05/11	2902/11	12/11	HD 3028	CÁM 8A	2 879	2 867	12	11/11	TD	
5		XNK ANH KHOA	05/11	2903/11	12/11	BN 3040	CÁM 8A	1 900	1 876	24	11/11	TD	NGUỒN ĐN-C6
6		XDCNM ĐÔNG BẮC	06/11	2926/11	13/11	NB 6487	CÁM 8A	1 040	1 019	21	11/11	TD	NGUỒN CS
7		SX&TM THAN UÔNG BÍ	06/11	2934/11	13/11	HẢI NAM 17	CÁM 8A	2 400	2 385	15	11/11	TD	NGUỒN CS
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***14 015***	***6 130***	***7 885***			
1		XNK THAN	09/11	2964/11	19/11	QN 8698	CÁM 7B	3 258	2 384	874	DỠ	PTCB	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2943/11

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-13 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
2		THÁI DƯƠNG STAR	12/11	2922B/11	19/11	QNL - TĐ 06 (QN 8961)	CÁM 8A	5 426	2 549	2 877	DỠ	TD	
3		MV BROAD RICH	08/11	5 796		QNL-TĐ03	TNK-NGA	5 331	1 198	4 133	DỠ	BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***35 486***		***35 486***			
1		KDT HẢI PHÒNG	04/11	2899/11	14/11	HP 6683	CÁM 6B.1	1 850		1 850		PTCB	NGUỒN HL
2		KDT MIỀN BẮC	07/11	2935/11	17/11	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400		1 400		PTCB	
3		KDT BẮC TRUNG BỘ	07/11	2939/11	17/11	NB 6776	CÁM 7B	1 903		1 903		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
4		XDCNM ĐÔNG BẮC	05/11	2901/11	12/11	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2760/10
5		XNK VTA	05/11	2904/11	12/11	QN 7565	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6
6		VT & KDT	07/11	2941/11	14/11	QN 8265	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	
7		KDT CẦU ĐUỐNG	07/11	2942/11	14/11	HD 2299	CÁM 8A	1 976		1 976		TD	NGUỒN CS
8		TRƯỜNG ANH 888	08/11	2945/11	15/11	HP 6586	CÁM 8A	1 989		1 989		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2857/11
9		CROMIT CĐ THANH HÓA	09/11	2960/11	16/11	LAM HỒNG 99	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		TRƯỜNG ANH 888	09/11	2959/11	16/11	VIỆT HÀ 27	CÁM 8A	3 050		3 050		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2881/11
11		XNK THAN	09/11	2958/11	16/11	AN VINH 18	CÁM 8A	1 930		1 930		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		THAN MIỀN TRUNG	09/11	2963/11	16/11	Á ĐÔNG 37	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		THÁI SƠN HP	09/11	2962/11	16/11	HD 2469	CÁM 8A	3 600		3 600		TD	
14		DVVTQN	09/11	2856/11	16/11	BN 2203	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
15		SX&TM THAN UÔNG BÍ	10/11	2973/11	17/11	HP 6608	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN CS
16		CROMIT CĐ THANH HÓA	10/11	2965/11	17/11	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS
17		THAN SÔNG HỒNG	10/11	2976/11	17/11	TNG 0889	CỤC DON 8C	990		990		TD	NGUỒN HL
18		KDT HÀ NỘI	10/11	2977/11	17/11	BN 0988	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	Thay TBRT 2841/10
19		SX&TM THAN UÔNG BÍ	12/11	2817/11	19/11	BN 2115	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**9 664**	**4 786**	**4 878**			
	Tàu đã làm hàng							***4 970***	***4 786***	***184***			
1		ĐIỆN PHÀ LẠI	07/11	736/11	17/11	HẢI LONG 28	CÁM 5B.10	4 970	4 786	184	11/11	HỘ LỚN	
	Tàu dự kiến rót trong ngày												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-13 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***4 694***		***4 694***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	07/11	737/11	17/11	TĐ 01-CHN	CÁM 5B.10	2 380		2 380		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHÁ LẠI	12/11	746/11	22/11	TB 1716	CÁM 5B.10	2 314		2 314		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**28 285**	**8 718**	**19 567**			
	Tàu đã làm hàng							***9 550***	***8 610***	***940***			
1		NHÔM ĐĂK NÔNG	08/11	2951/11	18/11	HOÀNG ANH 888	CỤC 4A.2	2 100	1 971	129	11/11	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	09/11	2954/11	19/11	HOÀNG ANH 888	CÁM 5A.1	2 700	2 697	3	11/11	HỘ LỚN	NGUỒN QH
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	10/11	2972/11	20/11	NHẬT MINH 69	CÁM 5B.1	3 550	2 757	793	11/11	PTCB	
4		XDCNM ĐÔNG BẮC	10/11	2971/11	17/11	BN 2615	CỤC XÔ 1B	1 200	1 186	14	11/11	TD	NGUỒN QH
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***2 400***	***108***	***2 292***			
1		TRƯỜNG ANH 888	08/11	2948/11	15/11	AN THÀNH 18	BÙN TUYỂN 3C	2 400	108	2 292	DỠ	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***16 335***		***16 335***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2892/11	14/11	THẮNG LỢI 68	CÁM 5B.1	4 200		4 200		PTCB	
2		KDT MIỀN BẮC	08/11	2944/11	18/11	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585		2 585		PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	08/11	2953/11	18/11	HẢI ĐĂNG 666	CÁM 5A.1	3 800		3 800		PTCB	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	10/11	2978/11	20/11	MINH HẰNG 222	CÁM 5B.1	4 600		4 600		PTCB	
5		VẬN TẢI THỦY	09/11	2957/11	16/11	QN 7535	CỤC DON 8A	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**18 910**	**5 200**	**13 710**			
	Tàu đã làm hàng							***5 000***	***5 200***	***- 200***			
1		HÀN QUỐC	27/10	7518		MV YUN QIAN	CỤC 2B.2	5 000	5 200	- 200	11/11		NGUỒN KVĐB
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***13 910***		***13 910***			
1		CAMPUCHIA	30/10	7605		MV MINH ANH 03	CỤC 4B.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000
2		INDONESIA	03/11	7550		MV HOANG PHUONG 46	CÁM 2A.1	1 910		1 910			TTHG: 1.910
3		THÁI LAN	06/11	7864		MV HOANG PHUONG LUCKY	CÁM 1	6 000		6 000			KVCP: 6.000
4		ĐÀI LOAN	06/11	7866		MV JIAN RUI 7	CỤC 4A.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**44 000**	**10 017**	**33 983**			
	Tàu đã làm hàng							***10 000***	***10 017***	***- 17***			
1		NGA	06/11	7886		MV BROAD RICH	Than xx Nga	10 000	10 017	- 17	11/11		TTCO: 5.160,36 KVCP: 4.856,64

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12-13 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***23 000***		***23 000***			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
2		ÚC	05/11	7831		MV MARIANNE STOEGER	Than xx Úc	10 000		10 000			TTCO: 10.000
	Tàu đã làm lệnh							***11 000***		***11 000***			
1		LÀO	05/11	7832		VTA OCEANUS	Than Anthracite Lào	11 000		11 000			TTCO: 7.000 KVCP: 4.000